

LẬP CHƯƠNG TRÌNH CHO MỘT CUỘC NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM

A. ATANAXÔP*

Lập chương trình là khâu thứ nhất trong bước chuẩn bị nghiên cứu một công trình xã hội học thực nghiệm. Trong khâu này, chúng ta phải trả lời câu hỏi: “Nghiên cứu cái gì?”.

Lập chương trình nghiên cứu bắt đầu từ việc xác định mục tiêu nhiệm vụ, yêu cầu của cuộc nghiên cứu, đòi hỏi phải thu thập thông tin bằng nghiên cứu xã hội học thực nghiệm mà không phải qua con đường khác như thống kê...

Để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu nghiên cứu phải làm rõ nhóm các vấn đề cần nghiên cứu. Bước này tiến hành như sau: tìm hiểu tư liệu. Xem xét những kết quả đã thu được trong lĩnh vực cần nghiên cứu. Chúng ta không chỉ tìm hiểu những vấn đề này trên khía cạnh kinh nghiệm, mà còn phải tiếp cận vấn đề theo một hệ thống nhất định. Đây là bước nghiên cứu có tính chất khoa học. Người nghiên cứu cần coi trọng việc trao đổi ý kiến với những người làm công tác thực tế để có những nhận định ban đầu về hiện trạng của vấn đề. Trong thực tế, đã có tình hình là người đặt hàng đề ra yêu cầu nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, nhưng lại không nêu ra các vấn đề cụ thể. Bằng sự kết hợp giữa người đặt hàng và nhà nghiên cứu, sau khi để tìm hiểu nhóm các vấn đề cụ thể thì mới hình thành hệ thống các vấn đề cần nghiên cứu, qua đó giúp cho nhà xã hội học phát huy khả năng sáng tạo của mình.

Nếu vấn đề đặt ra có nhiều khía cạnh thì phải phân loại ra thành vấn đề chính và vấn đề phụ. Làm tốt việc phân loại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý kết quả.

* Thư ký khoa học Ban Triết học - Xã hội học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Bungari, Trưởng ban Phương pháp Viện Xã hội học. Báo cáo khoa học tại Ban Xã hội học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, ngày 19-3-1983.

Tên đề tài được đặt ra chính xác sau khi xác định cụ thể các vấn đề cần được nghiên cứu. Chọn đích xác tên đề tài nghĩa là xác định đúng đối tượng của công trình. Ở đây, cần phân biệt rõ đối tượng và khách thể.

Khách thể là những lĩnh vực xã hội mà trong đó diễn ra những hoạt động xã hội. Khách thể có thể là những hiện tượng xã hội hay một bộ phận cấu thành các quan hệ xã hội, hoặc toàn bộ xã hội. Trong chương trình nghiên cứu có đề cập đến một tập hợp các cá thể, tập hợp các cá thể này chính là khách thể nghiên cứu. Ví dụ: tập thể lao động của một nhà máy là khách thể nghiên cứu của đề tài “Tính tích cực lao động trong tập thể xí nghiệp”. Tập hợp các cá thể có những đặc trưng riêng của nó. Việc phân loại thành những đặc trưng căn bản và đặc trưng không căn bản sẽ cho phép chúng ta hiểu sâu về khách thể.

Đối tượng nghiên cứu chỉ là một số trong vô vàn tính chất của khách thể. Những tính chất khác không phục vụ cho đề tài thì không phải là đối tượng nghiên cứu của xã hội học. Tính chất của khách thể đặt ra những vấn đề mà công trình nghiên cứu xã hội học cần giải quyết chính là tên đề tài của công trình nghiên cứu.

Mục đích và nhiệm vụ của cuộc nghiên cứu được đặt ra sau khi xã xác định xong đề tài và đối tượng cần nghiên cứu.

Mục đích là những kiến thức thu được qua các thông tin, nói cách khác, nó là hướng tìm hiểu chủ yếu của cuộc nghiên cứu xã hội học thực nghiệm. Những kiến thức này sẽ phát triển theo hai hướng: lý luận và thực tiễn. Những thông tin lý luận là những thông tin thu nhận được sẽ sử dụng về mặt lý thuyết. Những thông tin được sử dụng để lý giải một quá trình xã hội học hoặc để giải quyết vấn đề về quản lý các mặt của đời sống xã hội là những thông tin thực tiễn ứng dụng.

Không phải cuộc điều tra nghiên cứu xã hội học thực nghiệm nào cũng đặt hai mục đích này ngang nhau. Có công trình nghiên cứu dành mỗi quan tâm chính cho những vấn đề lý luận, mặt thực tế ứng dụng giữ vai trò thứ yếu, hoặc ngược lại.

Nhiệm vụ là mục đích được cụ thể hóa, thông qua nhiệm vụ để tìm hiểu những khía cạnh, những biểu hiện của khách thể được nghiên cứu.

không nên đặt ra quá ít hay quá nhiều nhiệm vụ trong một đề tài thực tế những cuộc điều tra xã hội học thực nghiệm ở Bungari cho thấy: mỗi cuộc điều tra nên có ba hay bốn nhiệm vụ là tốt nhất. Nên tránh các cuộc điều tra chỉ có một hoặc hai nhiệm vụ, hay nhiều đến bảy, tám nhiệm vụ.

Sau khi xác định mục đích và nhiệm vụ của cuộc nghiên cứu, chúng ta bước sang khâu quan trọng, đó là việc lựa chọn các giả thuyết. Giả thuyết là những dự định mà chúng ta sẽ đối chiếu qua nghiên cứu. Giả thuyết cho ta một khái niệm tương đối hoàn chỉnh về các hiện tượng của những vấn đề xã hội cũng như những khách thể cần nghiên cứu, hoặc cho ta những ý niệm về thực tiễn, về xu hướng phát triển có tính chất quy luật của khách thể. Giả thuyết được xây dựng nên bằng hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn kết hợp với khả năng suy đoán của nhà nghiên cứu.

Số lượng giả thuyết khi lập chương trình nhiều hay ít phụ thuộc vào số lượng các vấn đề cần nghiên cứu. Giả thuyết đặt ra phải đáp ứng yêu cầu về mặt lý luận, nghĩa là không thể mâu thuẫn với những quy luật đã được xác định. Giả thuyết chỉ đúng vững khi lập luận của nó phù hợp với các kết quả thu được. Việc kiểm định giả thuyết phải dựa trên các thông tin do chính cuộc nghiên cứu mang lại.

Có hai loại giả thuyết được đặt ra trong quá trình nghiên cứu: giả thuyết chính, liên quan đến những vấn đề chính; giả thuyết phụ, liên quan đến những vấn đề phụ hoặc bộ sung giải thích cho những vấn đề chính.

Ngoài ra, còn có những giả thuyết để mô tả, tức là ghi chép lại những hiện trạng. Nội dung của giả thuyết này bao gồm những kết quả của công trình nghiên cứu dự định sẽ đạt được. Thực tế qua các cuộc nghiên cứu cho thấy rằng giả thuyết mô tả không phải bao giờ cũng đúng, nó chỉ dừng ở một bộ phận được nghiên cứu và thường biểu hiện ra bằng tỷ lệ phần trăm hay những con số trung bình. Giả thuyết giải thích (còn gọi là giả thuyết nguyên nhân) dùng để giải thích những hiện tượng đã có. Giả thuyết về xu hướng, tính quy luật để nói lên tính ổn định, bền vững của khách thể được nghiên cứu.

Ở đây, có điều cần chú ý là việc dùng những thông tin thu được trong một công trình nghiên cứu xã hội học cụ thể để đối

chiếu với các giả thuyết có tính chất cụ thể thì thấy độ sai lệch trong trường hợp này thường không đáng kể. Những giả thuyết mang tính chất khái quát cao cần được so sánh qua hàng loạt công trình nghiên cứu.

Việc xác định các giả thuyết về xây dựng mô hình lý thuyết và mô hình xã hội học.

Mô hình lý thuyết là gì? Bản chất của nó ra sao? Trong các sách báo đã bàn nhiều về việc cần thiết xây dựng mô hình lý thuyết, nhưng nội dung của nó như thế nào thì còn ít được đề cập. Theo chúng tôi, mô hình lý thuyết là một hệ thống có kết cấu đồng nhất với kết cấu của khách thể. Kết cấu đó có thể là vật chất hay phi vật chất. Ví dụ: muốn đúc ra một vật thì người ta phải có khuôn mẫu của vật đó. Khuôn mẫu được tạo nên từ vật chất cụ thể nên nó là mô hình vật chất hay kết cấu vật chất.

Cũng có những mô hình do tư tưởng con người tạo ra, thông qua đó, ta có thể tái tạo lại khách thể.

Có các loại mô hình lý thuyết như sau:

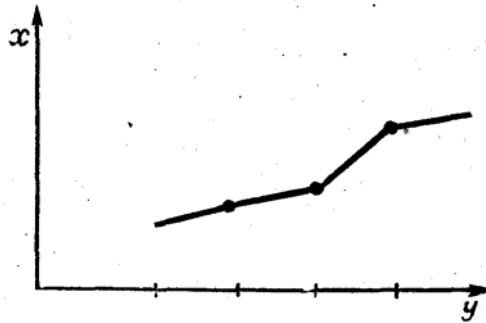
1. *Mô hình tiếng*: dùng lời nói thể hiện bằng các định nghĩa, các tính chất của hiện tượng. Đặc trưng của loại mô hình này là thể hiện bản chất của hiện tượng dưới khía cạnh chất, chứ không phải dưới khía cạnh lượng. Ví dụ: khi định nghĩa tính tích cực lao động, chúng ta đưa ra một mô hình bằng lời để mô tả nó. Qua lời nói, chúng ta thấy bản chất và hiện tượng tích cực lao động. Tuy nhiên, trong thực tế thì mô hình của chúng ta chưa diễn tả hết được những biểu hiện phong phú và phức tạp diễn ra trong tính tích cực lao động, và do đó mô hình cũng chỉ bao gồm những đặc trưng cơ bản, nổi bật nhất liên quan với mục đích nghiên cứu mà thôi.

2. *Mô hình thể hiện bằng hình vẽ*: để diễn tả các bộ phận cấu thành của hiện tượng về mối liên hệ trong các bộ phận cấu thành đó. Ví dụ: mối liên hệ tái sản xuất mở rộng của Mác.

3. *Mô hình thể hiện bằng bảng*: để thể hiện các số liệu thống kê và mối liên hệ của chúng với nhau. Ví dụ thể hiện tính tích cực lao động của nam và nữ.

| Mức độ | Nam | Nữ |
|--------------|-----|----|
| Rất tích cực | % | % |
| Tích cực | % | % |
| Bình thường | % | % |

4. *Mô hình thể hiện bằng đồ thị*: các bộ phận cấu thành nói lên tính chất của mình qua những đường biểu diễn khác nhau. Ví dụ: quan hệ giữa tính tích cực lao động của cá nhân với trình độ học vấn .



y: trình độ học vấn của người lao động.

x: tính tích cực lao động, của họ.

5. *Mô hình thể hiện bằng thống kê toán*: có thể được thể hiện dưới dạng một phương trình, giúp chúng ta phân tích khía cạnh lượng của hiện tượng. Ví dụ: ta có thể biểu diễn sự phụ thuộc của tính tích cực lao động với trình độ học vấn của một người thông qua phương trình sau :

$$y = a + bx$$

v : tính tích cực lao động

x : trình độ học vấn

a, b: các hệ số không đổi.

Các loại mô hình trên thể hiện những đặc trưng nhất định của đối tượng nghiên cứu, nổi lên bản chất của những quy luật và sự khác nhau giữa các bộ phận hợp thành trong một hệ thống phức tạp. Thông qua hệ thống khái niệm, hệ thống lý luận của mô hình lý thuyết, chúng ta đánh giá được bản chất các hiện tượng nghiên cứu, học khái quát hóa sự tác động qua lại giữa các hiện tượng trên một mức độ cao hơn.

Các mô hình lý thuyết xã hội học thường được biểu hiện bằng lời, trong đó tính chất của các mối liên hệ được thể hiện bằng chất thực chất là đưa ra định nghĩa hay khái niệm khoa học về các

mối liên hệ. Một mô hình lý thuyết chỉ mang tính chất xã hội học khi nó biểu hiện được sự tương quan, mối liên hệ giữa các hiện tượng có tính chất xã hội.

Mô hình lý thuyết xã hội học có những đặc trưng cơ bản như sau:

- Dựa trên cơ sở trừu tượng, thể hiện các mối liên hệ với nhau.
- Là một hệ thống các khái niệm được trình bày có tính chất lôgic của quá trình nhận thức về nội dung được nghiên cứu.

Những khái niệm cơ bản trong mô hình lý thuyết nói lên các yếu tố chung nhất về đối tượng được nghiên cứu. Những khái niệm phụ bổ sung cho những khái niệm chính, góp phần làm cho mô hình trở nên hoàn thiện. Nếu các khái niệm để xây dựng mô hình lý thuyết được trình bày không thành hệ thống thì không có ý nghĩa khoa học.

Mô hình lý thuyết liên hệ chặt chẽ với đối tượng được nghiên cứu. Nó phải thể hiện tính chất, nội dung cơ bản nhất của khách thể dưới dạng các khái niệm, đồng thời nó cũng nói lên các hiện tượng sống, hiện tượng thực tế, ch nên mô hình lý thuyết và các hiện tượng thực tế có mối liên hệ chặt chẽ. Thiếu mối liên hệ này, ta sẽ không nhận thức được bản chất của khách thể đang nghiên cứu.

Khi xây dựng mô hình lý thuyết các khái niệm khoa học, cần được những người tham gia nghiên cứu quan niệm thống nhất, nghĩa là phải chuẩn hóa những khái niệm và phải chuyển những khái niệm phức tạp thành những khái niệm đơn giản. Thông qua hệ thống khái niệm này để chúng ta phân tích, tổng hợp thành bản chất của hiện tượng được nghiên cứu.

Từ hệ thống tri thức trên đây, chúng ta sẽ đề ra phương pháp nghiên cứu.